TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS - ST
Ngày: 20 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình.

Ông Phạm Văn Tiến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Ngọc Anh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST - DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 24/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-DS ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Quỹ tín dụng nhân dân xã Q; trụ sở: Thôn C, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 19XX; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn*: Chị Phạm Thị L, sinh năm 19XX; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Do nhu cầu phục vụ đời sống (mua xe máy), ngày 10/5/2013, vợ chồng anh Nguyễn Văn S và vợ là chị Phạm Thị L có đề nghị vay Quỹ tín dụng nhân dân xã Q (Quỹ tín dụng) số tiền 14.000.000 đồng và cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng hạn, chấp hành các quy định của Quỹ tín dụng về việc vay vốn. Nếu không thực hiện đúng cam kết, anh S, chị L hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trên cơ sở đó, ngày 14/5/2013, anh Nguyễn Văn S ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2392/HĐ vay của Quỹ tín dụng số tiền 14.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng (từ 14/5/2013 đến 14/02/2014). Mục đích vay tiền để phục vụ nhu cầu đời sống (mua xe máy), kế hoạch phát tiền 01 lần, lãi suất vay trong hạn là 1.5/tháng, lãi suất quá hạn là 2,25%/tháng, phương thức trả lãi tiền vay: trả lãi tiền vay cùng với kỳ trả nợ gốc.

Ngay sau khi ký hợp đồng, Quỹ tín dụng đã giải ngân đủ tiền vay cho anh S. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng khi đến hết thời hạn trả nợ gốc và lãi, anh S, chị L mới trả lãi được tổng số tiền lãi trong hạn là 686.000 đồng, (ngày 14/5/2013 trả lãi 217.000 đồng, ngày 16/7/2013 trả lãi 224.000 đồng và ngày 20/8/2013 trả lãi 245.000 đồng), sau đó anh S, chị L không trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Quỹ tín dụng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu vợ chồng anh S và chị L trả nợ, nhưng anh S, chị L vẫn không thực hiện.

Do vợ chồng anh S, chị L đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như đã cam kết, Quỹ tín dụng nhân dân xã Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L phải thanh toán cho Quỹ tín dụng toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 20/11/2019 là: 37.264.500 đồng (Ba mươi bẩy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng); trong đó nợ gốc là 14.000.000 đồng; lãi trong hạn là 1.024.000 đồng; lãi quá hạn là 22.060.500 đồng.

Ngoài ra, Quỹ tín dụng nhân dân xã Q yêu cầu anh S và chị L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh S, chị L trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập, ra thông báo yêu cầu anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã Q nhưng đến ngày mở phiên tòa, anh S và chị L đều không thực hiện.

Tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành

đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L cùng có đề nghị vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân xã Q mục đích để phục vụ nhu cầu đời sống và cam kết sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc và lãi đúng hạn nên ngày 14/5/2013, Quỹ tín dụng nhân dân xã Q đã ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2392/HĐ cho anh Nguyễn Văn S vay của số tiền 14.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh S, chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Q. Do vậy căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 116, 117, 118, 119, 278, 280, khoản 1 Điều 357, 463, 466 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 29, 30, 33 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Q tổng số tiền là 37.264.500 đồng; trong đó nợ gốc là 14.000.000 đồng; lãi trong hạn là 1.024.000 đồng; lãi quá hạn là 22.060.500 đồng. Vợ chồng anh S, chị L còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Q.

Về án phí: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã Q và vợ chồng anh S, chị L có nơi cư trú tại: Thôn L, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn là anh Nguyễn Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng về phía bị đơn chị Phạm Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2392/HĐ ngày 14/5/2013 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã Q và anh Nguyễn Văn S đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật khi ký kết nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng này.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Quỹ tín dụng nhân dân xã Q đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng và đã giải ngân theo đúng cam kết. Nhưng khi đến thời hạn thanh toán, vợ chồng anh S, chị L mới trả được 686.000 đồng tiền lãi, sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, như vậy anh S, chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ tín dụng nhân dân xã Q.

[4] Về số tiền phải trả:

Số tiền gốc và lãi trong hạn: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, anh S vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã Q số tiền 14.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng (từ 14/5/2013 đến 14/02/2014), lãi suất vay là 1.5/tháng thì số tiền gốc và lãi trong hạn anh S phải thanh toán khi hết thời hạn vay là: Nợ gốc là: 14.000.000 đồng; lãi trong hạn = 14.000.000 đồng x 9 tháng x 1,5%/tháng = 1.890.000 đồng. Anh S đã trả được 686.000 đồng tiền lãi trong hạn, số tiền lãi trong hạn anh S còn phải trả là: 1.890.000 đồng - 686.000 đồng = 1.204.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn anh S và chị L phải trả cho Quỹ tín dụng là: 14.000.000 đồng + 1.204.000 đồng = 15.204.000 đồng.

Số tiền lãi quá hạn: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì thời hạn trả cả nợ gốc và lãi là ngày 14/02/2014, lãi suất nợ quá hạn là 2,25%/tháng. Tính đến ngày 20/11/2019, thời gian nợ quá hạn là 05 năm 09 tháng 06 ngày tương ứng với 2.101 ngày. Do vậy số tiền lãi nợ quá hạn đối với số tiền gốc đã vay là: 14.000.000 đồng x 2.101 ngày 2,25%/30 ngày = 22.060.500 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến hết ngày 18/10/2019 anh S phải trả cho Quỹ tín dụng là: 14.000.000 đồng + 1.204.000 đồng + 22.060.500 đồng = 37.264.500 đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L là vợ chồng, tại Giấy đề nghị vay vốn ngày 10/5/2013, anh S và chị L đều đề nghị Quỹ tín dụng cho vay số tiền 14.000.000 đồng, mục đích để phục vụ nhu cầu đời sống (mua xe máy) và cam kết sử dụng đúng mục đích vay, trả nợ gốc và lãi đúng hạn. Tại biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay ngày 13/6/2013 đã thể hiện anh S, chị L sử dụng đúng mục đích vay vốn. Tại các biên bản kiểm tra xử lý nợ vay, anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L đều xác nhận vay của Quỹ tín dụng 14.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.890.000 đồng và mới trả được 686.000 đồng tiền lãi. Do vậy anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng.

Hợp đồng tín dụng được ký kết vào năm 2013, thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực. Tuy nhiên các quy định của pháp luật tại thời điểm này về hợp đồng dân sự, tài sản chung của vợ chồng không có sự khác biệt so với các quy định của pháp luật hiện hành. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/11/2019 là: 37.264.500 đồng (trong đó nợ gốc là 14.000.000 đồng; lãi trong hạn là 1.024.000 đồng; lãi quá hạn là 22.060.500 đồng). Vợ chồng anh S, chị L còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2392/HĐ ngày 14/5/2013 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Q.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 278, 280, khoản 1 Điều 357, 463, 466 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, 29, 30, 33 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã Q:

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Q số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20/11/2019) là: 37.264.500 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng); trong đó nợ gốc là 14.000.000 đồng; lãi trong hạn là 1.024.000 đồng; lãi quá hạn là 22.060.500 đồng.

Kể từ sau ngày tuyên án (21/11/2019) cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả, vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L còn phải tiếp tục trả tiền lãi

phát sinh đối với số tiền gốc cho cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Q theo lãi suất quá hạn (2,25%) đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2392/HĐ ngày 14/5/2013.

- Về án phí:

Vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị L phải chịu 1.863.225 đồng (Một triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Quỹ tín dụng nhân dân xã Q 890.000 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0011518 ngày 05/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Quỹ tín dụng nhân dân xã Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Văn S và chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chỉnh